

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **145/2022/HS-PT**

Ngày: 29 – 4 – 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Sơn.

*Các thẩm phán:*

Bà Nguyễn Thị Quyên.

Bà Đinh Thị Kiều Lương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Sương

Trong các ngày 25/4/2022 và 29/4/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 371/2021/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1995** tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số 976, ấp Tr, xã B, Huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1973; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/5/2014 bị Tòa án nhân dân Huyện T xử phạt 14 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2015;

Bị giam giữ từ ngày 22/11/2019. (có mặt)

**2. Trần Trung H, sinh năm 1995** tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp Q, xã Q, Huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Trần Thái T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; Chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 09/02/2018, bị Tòa án nhân dân Huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, chấp hành xong ngày 15/02/2019; Nhân thân: Ngày 30/5/2014 bị Tòa án nhân dân Huyện T xử phạt 14 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 26/01/2015;

Bị giam giữ từ ngày 22/4/2020. (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến Đ:** Ông Lê Ngọc L – thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1973; (có mặt)

Cư trú: Ấp Trà Cỏ, xã B, Huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*Ngoài ra còn có bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2019, Vũ Văn H1 giao một tài khoản cá độ bóng đá trên mạng cho anh Hoàng Nhật Q tham gia cá độ đá banh qua mạng. Quá trình tham gia cá độ đá banh, Q thua 160.000.000đ, anh Q đã trả cho H1 số tiền 80.000.000đ và còn nợ lại số tiền 80.000.000đ. H1 đã đòi nhiều lần nhưng anh Q chưa trả. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/11/2019, H1 gọi điện thoại và gặp Q tại cây xăng “Hiệp Phú Thành” (thuộc ấp A, xã T, Huyện T, tỉnh Đồng Nai) để nói chuyện thì anh Q đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H1 rủ Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H đi cùng đến gặp Q đòi nợ. H1 điều khiển xe mô tô biển số 60B8 – 763.60 đi một mình còn Đ điều khiển xe mô tô biển số 60B8 – 878.53 chở H đến cây xăng “Hiệp Phú Thành” gặp anh Q. Tại đây, anh Q nói dối với

H1 là có một người bạn tên Quý ở Dầu Giây (Huyện T, tỉnh Đồng Nai) nợ tiền cá độ đá banh của H1 chứ không phải anh Q nên Q đưa H1 đến gặp Quý đòi nợ để Q lấy tiền trả nợ cho H1. Khi tới Dầu Giây, H1 phát hiện anh Q nói dối nên H1 nói anh Q lên xe H1 chở về T để nói chuyện thì anh Q đồng ý. H1 điều khiển xe chở anh Q, Đ điều khiển xe chở H đi theo ngay sau xe của H1 và Q về dừng lại tại khu vực sân ga T (thuộc ấp Q, xã Q, Huyện T, tỉnh Đồng Nai) để nói chuyện. Tại khu vực sân ga T, H và Đ canh chừng anh Q còn H1 gọi điện cho Nguyễn Văn Thắng đến để giúp H1 đòi nợ. Khoảng 10 phút sau thì Thắng điều khiển xe ô tô biển số 60C – 493.37 chở Nguyễn Ngọc Minh Quân đến, Thắng dùng tay tát vào mặt anh Q và sau đó gọi điện cho Trịnh Văn Dũng và Phạm Minh Trí đến. Khi đến thì Dũng, Trí dùng tay, chân đánh vào người anh Q, yêu cầu anh Q phải trả nợ cho H1 nhưng anh Q nói không có tiền, nên nhóm người của Thắng bắt Q phải đưa các đối tượng về nhà, gặp người thân của anh Q đòi nợ thì anh Q đồng ý. Sau đó, H1 điều khiển xe chở anh Q, Đ điều khiển xe chở H cùng các đối tượng Thắng, Quân, Trí và Dũng đi về nhà anh Q. Khi đến khu vực đường Võ Nguyên Giáp anh Q đồng ý liên hệ với chị Võ Thị Bích H2 (vợ của anh Q) để chị H2 chuyển khoản số tiền 80.000.000 đồng cho Q trả nợ cho H1. Ngay sau đó các bị cáo H1, H, Đ đưa anh Q vào quán ngồi cùng bàn với nhau, để chị H2 và H1, Q chuyển khoản số tiền trên cho nhau, khi bị cáo H1 đã chuyển khoản xong số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản của anh Q sang tài khoản số 0261003477559 của bị cáo H1, thì các bị cáo đưa anh Q về Bưu điện T, ngay khi anh Q xuống xe thì các bị cáo không đi cùng nhau nữa, các bị cáo đi về nhà của mình còn anh Q đến Công an Huyện T, tỉnh Đồng Nai trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 60B8 – 763.60; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen – xanh, số thuê bao 0789195969; số tiền 70.000.000đ trong tài khoản số 0261003477559 của bị cáo Vũ Văn H1 hiện đang bị phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm.

Ngày 06/8/2020, gia đình bị cáo Vũ Văn H1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T số tiền 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo H1, H, Đ, bà Hoàng Nữ Duyên M (mẹ bị cáo H1), bà Nguyễn Thị Mai T (mẹ bị cáo

Đ) cùng xác định số tiền 70.000.000 đồng trên là tài sản của bà Hoàng Nữ Duyên M; Bà M cho người nộp hồ số tiền trên không phải để bồi thường thiệt hại mà mục đích là để bị cáo sử dụng trong thời gian bị tạm giam. Bà M yêu cầu được nhận lại số tiền này.

Đối với xe mô tô biển số 60B8 – 878.53 là tài sản của bà Nguyễn Thị Mai T là mẹ của bị cáo Nguyễn Tiến Đ. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội bà T không biết nên cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện T không thu giữ.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: bị cáo **Vũ Văn H1** 8 (tám) năm tù, bị cáo **Trần Trung H** và bị cáo **Nguyễn Tiến Đ** mỗi bị cáo 7 (bảy) năm tù, về tội “Cướp tài sản”.

*Về biện pháp dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 106; Điều 129 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Vũ Văn H1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Hoàng Nhật Q số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm đối với số tài khoản 0261003477559, tên chủ tài khoản là Vũ Văn H1 để đảm bảo bồi thường thiệt hại số tiền trên.

- Hoàn trả cho bà Hoàng Nữ Duyên M số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T theo các biên lai thu tiền số 01708, 01709 và 01710 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/11/2021, các bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H có đơn kháng cáo kêu oan không phạm tội “Cướp tài sản”.

Ngày 26/11/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị Mai T kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

\* Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H đã phạm vào tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015. Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H mỗi bị cáo 07 năm tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 23/11/2021 bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H kháng cáo kêu oan. Ngày 26/11/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T.

Về hình thức kháng cáo, thời hạn kháng cáo, bị cáo Trần Trung H, Nguyễn Tiến Đ đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự pháp luật.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T. Căn cứ khoản 4 Điều 331 BLTTHS, bà T chỉ có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà, theo biên bản làm việc ngày 06/12/2021 (BL số 949) bà T không kháng cáo quyền lợi, nghĩa vụ của bà đối với chiếc xe mô tô biển số 60B8 – 878.53. Do đó kháng cáo của bà T không được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 18 giờ ngày 21/11/2019, tại khu vực ga T (thuộc ấp Q, xã Q, Huyện T) Vũ Văn H1, Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H đã có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt của anh Hoàng Nhật Q số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Căn cứ vào bản tự khai ban đầu của H1, Đ, H và lời khai của bị hại (BL 138-142, 187-264) thể hiện:

Các bị cáo Đ, H đều biết H1 rủ các bị cáo đi đòi nợ anh Q nhưng không biết số tiền cụ thể bao nhiêu, các bị cáo tham gia từ đầu và chứng kiến toàn bộ

sự việc. Khi được H1 rủ H và Đ đã đi cùng H1 và Q đến Dầu Dây tìm người tên Quí đòi nợ để Q lấy tiền trả cho H1. Khi biết Q nói dối, Đ và H đã cùng H1 đưa anh Q đến sân ga T, các bị cáo nhận thức được việc Thăng và nhóm của Thăng đánh anh Q mục đích để đòi nợ cho H1. H và Đ không ngăn cản mà ở lại tạo số đông uy hiếp về mặt tinh thần đối với anh Q. Khi Thăng, H1 buộc anh Q lên xe mô tô đi về nhà gặp người thân của anh Q. H và Đ cũng điều khiển xe mô tô đi cùng với H1 cho đến khi H1 chuyển số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản anh Q sang tài khoản của H1 thì Đ, H mới đi về.

Do đó hành vi của Đ, H đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 BLHS nên không oan như kháng cáo của các bị cáo đã nêu.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nhân thân, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Vì vậy cần có mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, xử phạt bị cáo H 07 năm tù và bị cáo Đ 07 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, không nặng như kháng cáo đã nêu. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết gì đặc biệt mới nên không có cơ sở xem xét cho các bị cáo.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**\*Quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến Đ:**

- Tài liệu, chứng cứ sau khi bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án để điều tra bổ sung, không có tình tiết nào mới, không khác tài liệu chứng cứ ban đầu, Tòa án cấp sơ thẩm lần thứ hai cũng giữ nguyên nhận định như Tòa án sơ thẩm lần thứ nhất nhưng Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T lại xử phạt các bị cáo mức án 07 năm tù là quá nặng, gần gấp đôi mức án lần thứ nhất, là không thỏa đáng và không xem xét việc kêu oan của các bị cáo.

- Chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy HĐXX cấp sơ thẩm lần thứ hai không vô tư, khách quan trong quá trình xét xử vụ án. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Huyện T sử dụng lời khai ban đầu, gian dối có chủ đích của bị hại Hoàng Nhật Q mà không xem xét các lời khai khác của bị hại Q, nhất là các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, kết quả thực nghiệm điều tra để buộc tội các bị cáo là không có căn cứ.

Luật sư bào chữa xác định hành vi của Đ, H không cấu thành tội: “Cướp tài sản” vì bị cáo Đ và H được bị cáo H1 rủ đi chơi, đi ăn bánh bèo chứ không rủ đi đòi nợ anh Q và cũng không hề nói rõ với Đ, H là đi đòi nợ. Các bị cáo Đ, H không có động cơ, mục đích “Cướp tài sản” cũng như không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để “Cướp tài sản” của anh Q. Toàn bộ hồ sơ không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho hành vi giúp sức của bị cáo Đ, H; Kết quả thực nghiệm điều tra cũng cho thấy bị cáo Đ, H chỉ đi theo, bấm điện thoại, không chứng kiến, không biết diễn biến sự việc (vì đứng khoảng cách xa) khi các đối tượng Thăng, Quân, Dũng, Trí đánh anh Q. Khi đi cùng đến đường Võ Nguyên Giáp, Đ và H bỏ đi mua bánh mì cách quán nước (nơi anh Q và H1 cH1ền tiền) khoảng 1-2 km nên cũng không hề hay biết và cũng không có tham gia. Số tiền 70.000.000 đồng anh Q cH1ền vào tài khoản của H1 là để trả nợ cho H1 (đây là thỏa thuận dân sự) chứ không có mục đích chiếm đoạt. Bị cáo H1, Thăng và nhóm người đi cùng Thăng có dùng vũ lực nhưng không đến mức làm tê liệt ý chí của anh Q, để anh Q phải cH1ền tiền ngay tức khắc cho bị cáo H1. Như vậy, không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các bị cáo giúp sức tinh thần và tạo số đông tương quan lực lượng như nhận định của Bản án sơ thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát.

Ngoài ra, bị hại Q còn có nhiều lời khai gian dối về tình tiết vụ án, về số lượng người tham gia đánh anh Q, về thương tích khi bị đánh anh Q chỉ bị thương tích nhẹ nhưng lại khai thương tích nặng. Mặt khác, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: Không xem xét việc các bị cáo Đ, H bị ép cung, mớm cung; Tổ chức họp liên ngành để T quan điểm xử lý vụ án, trong đó người dự họp chính là người được phân công giữ quyền công tố, xét xử vụ án là trái nguyên tắc độc lập xét xử.

Xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử bị cáo Đ, H liên tục kêu oan về tội danh “Cướp tài sản” mà Viện kiểm sát đã truy tố, hồ sơ vụ án, thực nghiệm điều tra cũng đã chứng minh rõ điều này nhưng Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T đã buộc tội Đ, H phạm tội “Cướp tài sản” là không có căn cứ, suy diễn, oan sai đồng thời bác bỏ toàn bộ nhận định có căn cứ của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Bản án hình sự phúc thẩm số 407/2020/HSPT ngày 30/9/2020.

Từ những cơ sở phân tích trên đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Đ và H không phạm tội “Cướp tài sản” và trả tự do ngay tại phiên tòa, khôi phục mọi quyền lợi cho Đ và H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ngày 26/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do bà cho rằng con trai bà (bị cáo Nguyễn Tiến Đ) không phạm tội “Cướp tài sản”. Sau khi nhận đơn kháng cáo của bà T, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản làm việc để xác định “Nội dung kháng cáo” của bà T. Mặc dù Tòa án đã giải thích về giới hạn quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng bà T vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan cho bị cáo Nguyễn Tiến Đ, không kháng cáo đối với chiếc xe mô tô biển số 60B8 – 878.53 là tài sản của bà Nguyễn Thị Mai T. Ngày 26/11/2021, Tòa án nhân dân Huyện T ban hành Thông báo kháng cáo số 34/HSST-TB có nội dung “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mai T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm”.

HĐXX nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Mai T được xác định tư cách tố tụng trong vụ án này là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do chiếc xe mô tô biển số 60B8 – 878.53 mà bị cáo Nguyễn Tiến Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản của bà T. Do đó, căn cứ vào Điều 65 và khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố



tụng hình sự, bà T chỉ có quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, tức là các vấn đề liên quan đến việc xử lý chiếc xe 60B8 – 878.53 nên kháng cáo của bà T yêu cầu hủy Bản án do bị cáo Đ bị oan là vượt quá quyền kháng cáo. Nhưng cấp sơ thẩm vẫn ban hành Thông báo kháng cáo là sai sót, không đúng trình tự và thủ tục quy định tại khoản 5 Điều 334 Bộ luật tố tụng hình sự. Do bà T không có quyền kháng cáo đối với tội danh và hình phạt của các bị cáo nên HĐXX phúc thẩm không đặt ra xem xét đơn kháng cáo của bà T.

[2] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ khách quan trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định nội dung vụ án như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 21/11/2019, bị cáo Vũ Văn H1 chỉ vì muốn anh Hoàng Nhật Q phải trả số tiền nợ 80.000.000đ nên bị cáo H1 đã rủ các bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H đi cùng để đòi nợ anh Q. Sau khi anh Hoàng Nhật Q cùng H1, Đ, H đi đến Dầu Giây thuộc Huyện T, tỉnh Đồng Nai tìm người tên Quý (bạn của Q) đòi nợ nhưng không gặp nên anh Q không trả được nợ cho H1; Các bị cáo tiếp tục đưa anh Q đến khu vực sân ga T (thuộc ấp Q, xã Q, Huyện T, tỉnh Đồng Nai) để đòi nợ anh Q. Tại đây, H và Đ ngồi gần cạnh chừng anh Q, còn H1 gọi điện cho Thăng. Sau đó, Thăng cùng một số đối tượng khác đến yêu cầu anh Q trả nợ cho H1, do anh Q không có tiền trả nợ nên Thăng cùng các đối tượng này đã dùng tay, chân đánh vào mặt, vào đầu anh Q, mục đích buộc anh Q phải trả nợ cho H1. Do không có tiền nên Thăng đã yêu cầu anh Q dẫn về nhà, gặp người thân của anh Q mượn tiền trả cho H1. Sau đó, H1 điều khiển xe chở anh Q, Đ điều khiển xe chở H, Thăng cùng các đối tượng Quân, Trí, Dũng đi ô tô bán tải cùng về nhà anh Q. Khi đến khu vực đường Võ Nguyên Giáp, anh Q liên hệ được với chị Võ Thị Bích H2 (vợ của anh Q) để chị H2 cH1ển khoản số tiền 80.000.000 đồng cho Q trả nợ cho H1; Ngay sau đó các bị cáo H1, H, Đ đưa anh Q vào quán ngồi cùng bàn với nhau để chị H2 và H1 còn Thăng và các đối tượng khác đi về lại T. Sau khi chị H2 cH1ển khoản số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản của anh Q, bị cáo H1 bắt anh Q mở mật khẩu điện thoại, mật khẩu tài khoản ngân hàng của anh Q ra và tự lấy điện thoại anh Q để cH1ển khoản số tiền số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản của anh Q sang tài khoản số 0261003477559 của bị cáo H1. Sau khi cH1ển xong do tài

khoản của bị cáo H1 chưa nhận được tiền nên các bị cáo đã yêu cầu anh Q điện thoại đến số tổng đài hỗ trợ khách hàng của ngân hàng Vietcombank và được ngân hàng trả lời do khác ngân hàng nên sáng mai mới nhận được tiền thì các bị cáo H1, H và Đ đưa anh Q về Bưu điện T.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H không thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng mình bị oan và không phạm tội “Cướp tài sản” là không có căn cứ để chấp nhận, vì:

[3.1] Lời khai của các bị cáo Vũ Văn H1, Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H và bị hại anh Hoàng Nhật Q trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra, được tóm tắt như sau: H1 điện thoại cho H (nhà ở Q) và Đ (nhà ở Trà Cổ) nhờ đi cùng H1 đòi tiền anh Q, do anh Q tH nợ tiền banh (cá độ bóng đá) của H1 thì H, Đ đồng ý. Q điện thoại hẹn đến Công ty Pousung nhưng không có tiền nên H1 điều khiển xe mô tô chở Q đến nhà Quý ở ngã tư Dầu Dây để lấy tiền, do Quý tH tiền banh (cá độ bóng đá) của Q, còn Đ chở H đi theo sau. Đến Dầu Dây, H1 biết Q lừa gạt mình (do Quý đã đi tù) nên H1 chở Q, còn Đ chở H đi theo sau về sân ga T. Tại đây, Q ngồi giữa 02 xe của H1 và Đ, Đ và H đứng canh còn H1 điện thoại cho Thăng đến nhờ Thăng đòi tiền của Q. Khi Thăng cùng một số đối tượng khác đến nơi đã yêu cầu Q trả tiền, Q nói không có tiền liền bị Thăng và những đối tượng đi cùng Thăng đánh, ép Q phải trả tiền, nếu không có tiền thì đưa Q về nhà Q mượn tiền người thân của Q để trả cho H1. Q đồng ý và tất cả những người này bao gồm cả Đ và H. Trên đường đi về nhà Q đến đoạn đường Võ Nguyên Giáp, do Q liên lạc được với chị Bích Hạnh (vợ của anh Q) để chị H2 cH1ển khoản số tiền 80.000.000 đồng cho Q trả nợ cho H1; Ngay sau đó các bị cáo H1, H, Đ đưa anh Q vào quán ngồi cùng bàn với nhau để chị H2, Q và H1 cH1ển tiền còn Thăng và các đối tượng khác đi về lại T. Sau khi chị H2 cH1ển khoản số tiền 80.000.000 đồng vào tài khoản của anh Q, bị cáo H1 bắt anh Q mở mật khẩu điện thoại, mật khẩu tài khoản ngân hàng của anh Q ra và tự lấy điện thoại anh Q để cH1ển khoản số tiền số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản của anh Q sang tài khoản số 0261003477559 của bị cáo H1. Sau khi cH1ển xong do tài khoản của bị cáo H1 chưa nhận được tiền nên các bị cáo đã yêu cầu anh Q điện thoại đến số tổng đài hỗ trợ khách hàng của ngân hàng Vietcombank và

được ngân hàng trả lời do khác ngân hàng nên sáng mai mới nhận được tiền thì các bị cáo H1, H và Đ đưa anh Q về Bưu điện T. (*Bút lục 106 đến 124, 138 đến 142 và bút lục 264 đến 275*).

Các lời khai ban đầu của bị cáo H1, Đ, H đã được đối chất với bị hại Q (*bút lục 296-299, 302 – 303, 320-323*) phù hợp với các tình tiết khách quan khác của vụ án như Biên bản thực nghiệm điều tra, trích sao kê ngân hàng.

Tuy các bị cáo không nhận tội và thay đổi lời khai nhưng không có căn cứ chứng minh về việc thay đổi lời khai này, từ trước đến nay các bị cáo cũng không có KH nại về các lời khai trước đây của mình.

[3.2] Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H cho rằng, các bị cáo tuy có đi cùng bị cáo H1 và anh Q nhưng các bị cáo đều không biết việc bị cáo H1 chiếm đoạt số tiền trên của anh Q và các bị cáo cũng không có động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản và cũng không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản của anh Q nên các bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”. Tuy nhiên, các bị cáo đều biết H1 rủ các bị cáo đi đòi nợ anh Q (không biết số tiền cụ thể bao nhiêu). Nhưng ngay từ đầu, khi được H1 rủ, bị cáo H và Đ đã đi cùng H1 và Q đến Dầu Giây tìm người tên Quý đòi nợ để Q lấy tiền trả cho H1. Khi biết anh Q nói dối, Đ và H đã cùng H1 đưa anh Q đến sân ga T. Tại đây các bị cáo Đ, H đứng canh chừng, không cho anh Q bỏ chạy. Khi nhóm của Thắng đến chửi, đánh anh Q mục đích đòi tiền nợ cho H1, các bị cáo đã nhận thức được hành vi trái pháp luật nhưng cũng không can ngăn hoặc bỏ về mà ở lại, tạo số đông uy hiếp về mặt tinh thần đối với anh Q. Khi Thắng, H1 buộc anh Q lên xe mô tô đi về nhà gặp người thân của anh Q thì bị cáo H, bị cáo Đ cũng điều khiển xe mô tô đi cùng, cho đến khi dừng lại quán nước để chờ vợ anh Q cH1ên tiền thì mặc dù nhóm của Thắng đã bỏ về nhưng Đ và H1 vẫn ở lại với H1 tiếp tục tạo số đông uy hiếp về mặt tinh thần đối với anh Q, đến khi biết chắc H1 đã cH1ên khoản xong số tiền 70.000.000đ từ tài khoản của anh Q sang tài khoản của H1 thì các bị cáo mới cùng đưa anh Q về bưu điện T mà không về nhà ngay. Do vậy, mặc dù không trực tiếp đánh bị hại nhưng bị cáo H và bị cáo Đ đã cùng H1 và các đối tượng khác tạo số đông, tương quan lực lượng lớn so với bị hại, uy hiếp về tinh thần làm cho bị hại buộc phải cH1ên tiền từ tài khoản của anh Q sang tài khoản của bị cáo H1 nên các bị cáo H và Đ đã

tham gia với vai trò giúp sức tích cực về mặt tinh thần trong vụ án (tham gia vụ án ngay từ đầu cho đến khi kết thúc).

[3.3] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, năm 2014 cả 02 bị cáo đều bị Tòa án nhân dân Huyện T xử phạt tù về tội “Cố ý gây thương tích” trong cùng 01 vụ án. Cho thấy các bị cáo có bản tính hung hãn, xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, không vì việc của mình nhưng sẵn sàng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để giải quyết.

[3.4] Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm lần 1, ngày 06/8/2020, bà Hoàng Nữ Duyên M (mẹ bị cáo H1), bà Nguyễn Thị H (mẹ bị cáo H) và bà Nguyễn Thị Mai T (mẹ bị cáo Đ) xin tự nguyện giao nộp số tiền tổng cộng 70.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại (bút lục 386-388) thay cho các bị cáo Vũ Văn H1, Trần Trung H, Nguyễn Tiến Đ theo các biên lai thu tiền số 01708, 01709 và 01710 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T (bút lục 383-385). Tại thời điểm này, các bị cáo Đ, H đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị cáo Đ và H để được giảm nhẹ hình phạt, sau đó các bị cáo cũng đã được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Như vậy, căn cứ vào lời khai ban đầu của các bị cáo H1, Đ, H, bị hại Q và các chứng cứ khác của vụ án như biên bản đối chất, biên bản thực nghiệm điều tra, sao kê ngân hàng...phù hợp với diễn biến, nội dung, tình tiết khách quan của vụ án, đã đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Tiến Đ và bị cáo Trần Trung H mặc dù không trực tiếp đánh bị hại nhưng các bị cáo H, bị cáo Đ đã cùng bị cáo H1 và các đối tượng khác tạo số đông, tương quan lực lượng lớn so với bị hại, uy hiếp về tinh thần làm cho bị hại anh Q buộc phải chuyển tiền từ tài khoản của anh Q sang tài khoản của bị cáo H1 nên các bị cáo H và Đ đã tham gia tích cực với vai trò đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm đ “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” khoản 2 Điều 251 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ,

gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn, bị cáo Đ và H là người giúp sức về mặt tinh thần và có vai trò ngang nhau. Các bị cáo có nhân thân xấu, từng bị phạt tù (đã được xóa án tích) nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo mức án 07 (bảy) năm tù là phù hợp, đúng quy định, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo giáo dục, cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo Vũ Văn H1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Hoàng Nhật Q số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Tiếp tục phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm đối với số tài khoản 0261003477559, tên chủ tài khoản là Vũ Văn H1 để đảm bảo bồi thường thiệt hại số tiền trên. Hoàn trả cho bà Hoàng Nữ Duyên M số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T theo các biên lai thu tiền số 01708, 01709 và 01710 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T. HĐXX nhận thấy:

[4.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan điều tra công an Huyện T đã có công văn số 1499/CV ngày 22/11/2019 đề nghị phong tỏa tài khoản của bị cáo Vũ Văn H1 (chưa thể hiện trong hồ sơ vụ án), ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm đã thực hiện yêu cầu này tại văn bản số 15610/VCB.TTH-KTGSTT ngày 25/11/2019 (bút lục 13) nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng chưa ra Quyết định phong tỏa tài khoản theo Điều 129 Bộ luật tố tụng hình sự là tH sót, cần rút kinh nghiệm.

[4.2] Tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, các bị cáo H1, H, Đ, bà Hoàng Nữ Duyên M (mẹ bị cáo H1), bà Nguyễn Thị Mai T (mẹ bị cáo Đ) cùng xác định số tiền 70.000.000 đồng trên là tài sản của bà Hoàng Nữ Duyên M; Bà M cho người nộp hộ số tiền trên không phải để bồi thường thiệt hại mà mục đích là để bị cáo sử dụng trong thời gian bị tạm giam. Bà M yêu cầu được nhận lại số tiền này. Tòa án cấp sơ thẩm đã ngừng phiên tòa và yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung các tài liệu, chứng cứ và số tiền từng gia đình bị cáo tự nguyện nộp để bồi thường. Ngày 16/11/2021, cán bộ điều tra đã lập biên bản xác minh đối với một mình bà Hoàng Nữ Duyên M về các số tiền trên.

Việc trình bày trên là mâu thuẫn với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, bởi lẽ: Ngày 06/8/2020, bà Hoàng Nữ Duyên M (mẹ bị cáo H1), bà Nguyễn Thị H (mẹ bị cáo H) và bà Nguyễn Thị Mai T (mẹ bị cáo Đ) xin tự nguyện giao nộp số tiền tổng cộng 70.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại (bút lục 386-388) thay cho các bị cáo Vũ Văn H1, Trần Trung H, Nguyễn Tiến Đ theo các biên lai thu tiền số 01708, 01709 và 01710 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T (bút lục 383-385) do Vũ Bình An nộp thay.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa căn cứ vào Điều 587 Bộ Luật dân sự 2015 để xác định trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại của các bị cáo H1, Đ và H là sai sót.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng Điều 587 Bộ luật dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T theo các biên lai thu tiền số 01708, 01709 và 01710 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí:

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Trần Trung H không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện T về trách nhiệm dân sự.

[2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến Đ 7 (bảy) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2019.

- Xử phạt bị cáo **Trần Trung H 7 (bảy) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2020.

Các bị cáo bị xử phạt về tội “Cướp tài sản”.

[3] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106; Điều 129 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Vũ Văn H1, Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Hoàng Nhật Q số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

- Phong tỏa tài khoản số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm đối với số tài khoản 0261003477559, tên chủ tài khoản là Vũ Văn H1 để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T theo các biên lai thu tiền số 01708, 01709 và 01710 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

- Các bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Trần Trung H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân H. T (2);
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Công an H. T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Sơn**

